

KẾ HOẠCH

Thực hiện Đề án Tăng cường công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Lào Cai năm 2022

Căn cứ Nghị quyết số 01- NQ/ĐH ngày 16/10/2020 Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 03- NQ/TU ngày 11/12/2020 của Tỉnh ủy Lào Cai về việc ban hành 18 Đề án trọng tâm thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020-2025;

Căn cứ Đề án số 09-ĐA/TU ngày 11/12/2020 của Tỉnh ủy Lào Cai về việc phê duyệt Đề án Tăng cường công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2020-2025;

Căn cứ Kế hoạch số 79/KH-UBND ngày 17/02/2021 của UBND tỉnh Lào Cai về việc triển khai thực hiện Đề án Tăng cường công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2020-2025;

Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án Tăng cường công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Lào Cai năm 2022, cụ thể như sau:

I. Mục đích, yêu cầu

- Nhằm quản lý chặt chẽ và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh đảm bảo cho sự phát triển bền vững.

- Việc triển khai thực hiện Đề án phải đảm bảo đúng với quan điểm, mục tiêu, định hướng của Đề án đã được Tỉnh ủy ban hành nhằm hoàn thành các mục tiêu của Đề án đã đặt ra.

II. Mục tiêu

Để đảm bảo hoàn thành mục tiêu Đề án giai đoạn 2021-2025, trong năm 2022 việc triển khai thực hiện Đề án phải đạt được các mục tiêu, cụ thể như sau:

1. Về tài nguyên đất

- Hoàn thành và trình phê duyệt phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện, vùng liên huyện tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 làm cơ sở để tích hợp vào Quy hoạch tỉnh Lào Cai giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050; Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 cấp huyện nhằm quản lý và sử dụng có hiệu quả tài nguyên đất.

- Phân đầu hết năm 2022 hoàn thành công tác xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai (*Dự án tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Lào Cai (Dự án VILG)*) trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố.

- Hoàn thành việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 3200/QĐ-UBND ngày 14/7/2017 của UBND tỉnh Lào Cai về việc phê duyệt Đề án “*Tăng cường quản lý đối với đất đai có nguồn gốc từ nông trường, lâm trường quốc doanh trên địa bàn tỉnh Lào Cai*”; hoàn thành việc đo đạc diện tích đất có nguồn gốc từ nông, lâm trường được giao cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân quản lý, khai thác có hiệu quả trên địa bàn thành phố Lào Cai và tổ chức triển khai cho các huyện, thị xã còn lại.

- Phân đầu 80% các dự án có liên quan đến khoáng sản, thủy điện, nông nghiệp... được giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng quy định.

- Phân đầu trong năm 2022 rà soát và đưa vào quản lý toàn bộ diện tích quỹ đất công trên địa bàn tỉnh của các loại đất: Đất thương mại dịch vụ, đất cơ sở sản xuất kinh doanh, đất dự trữ phát triển do nhà nước tạo ra đã hoàn thành giải phóng mặt bằng, đất xen kẹt trong khu dân cư, đất lỗi, đất các trụ sở hành chính, trường học, y tế, chợ, bến xe và đất các cụm công nghiệp...

- Năm 2022 tổng thu tiền sử dụng đất cho ngân sách nhà nước đạt trên 2.000 tỷ đồng (*theo Quyết định số 4399/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của UBND tỉnh*).

2. Về tài nguyên khoáng sản

- Thực hiện việc cấp quyền khai thác khoáng sản chế biến và chế biến sâu thông qua hình thức đấu giá khoáng sản; thu ngân sách từ khai thác, chế biến, chế biến sâu sử dụng nguyên liệu là khoáng sản khoảng 1.700 tỷ đồng/năm, và tạo công ăn việc làm cho 10.000 người lao động trong lĩnh vực khai thác, trong đó:

+ Đối với khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường dự kiến thu ngân sách khoảng 45 tỷ đồng.

+ Đối với khoáng sản như: Quặng sắt, đồng, apatit, caolanh,... dự kiến thu ngân sách khoảng 1.655 tỷ đồng.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát ngăn chặn triệt để tình trạng khai thác khoáng sản trái phép trên địa bàn tỉnh cho 30 điểm khai thác khoáng sản.

- Phân đầu 70% các đơn vị khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh lắp đặt trạm cân, camera quản lý giám sát sản lượng khai thác khoáng sản theo quy định.

3. Về tài nguyên nước

- Triển khai thực hiện cấm mốc bảo vệ hành lang nguồn nước trên địa bàn tỉnh sau khi có hỗ trợ về kinh phí của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Đẩy mạnh công tác quản lý tài nguyên nước, khí tượng thủy văn trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước của các công trình thủy điện, duy trì dòng chảy tối thiểu.

- Xây dựng hệ thống giám sát khai thác sử dụng tài nguyên nước phục vụ quản lý.

- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về tài nguyên nước, biến đổi khí hậu, khí tượng thủy văn... tích hợp trong hệ thống cơ sở dữ liệu chung của ngành.

- Hoàn thành xây dựng quy định mực nước tương ứng với cấp báo động lũ trên các sông, suối chính trên địa bàn tỉnh.

4. Về bảo vệ môi trường, quản lý đa dạng sinh học

- Hoàn thiện, trình phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tích hợp vào quy hoạch chung cấp tỉnh.

- Bảo vệ môi trường đô thị: Tiếp tục kiểm soát nguồn thải phát sinh từ các khu đô thị nhằm đạt 90% các khu đô thị đạt khu đô thị xanh. Duy trì ổn định chất lượng môi trường không khí tại các đô thị lớn và tỷ lệ thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt tại các khu đô thị đạt 95%.

- Bảo vệ môi trường công nghiệp: Tiếp tục đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật xử lý chất thải tại các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh (*Hệ thống xử lý nước thải tập trung; xử lý chất thải rắn; quan trắc tự động liên tục khí thải, nước thải*); 100% các dự án đầu tư mới trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp phải áp dụng công nghệ xử lý chất thải đạt Quy chuẩn môi trường hoặc ứng dụng công nghệ sạch, thân thiện với môi trường; 100% dự án khai thác khoáng sản phải thực hiện việc ký quỹ và phục hồi môi trường theo quy định.

- Bảo vệ môi trường nông thôn: Triển khai có hiệu quả Chương trình mục tiêu Quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường, chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Lào Cai; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt tại các khu dân cư nông thôn tập trung được thu gom, xử lý đạt 76%.

- Đầu tư trang thiết bị quan trắc môi trường và hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ công tác kiểm soát môi trường trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

- Triển khai thực hiện điều tra, khảo sát, thống kê xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý loài ngoại lai xâm hại; điều tra nguồn thải, đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của các Sông, hồ trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

5. Về ứng phó với biến đổi khí hậu

- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm và năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu của các cấp, các ngành, các doanh nghiệp và nhân dân; năng lực và sự tham gia của cộng đồng trong các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu. Chủ động phòng, tránh thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu biến đổi khí hậu. Giảm thiệt hại về người, tài sản do thiên tai gây ra.

- Tăng cường đầu tư các hệ thống giảm thiểu rủi ro thiên tai chống sạt lở, bảo vệ hạ tầng cơ sở, ổn định quỹ đất phục vụ sản xuất, kinh doanh.

- Quản lý và triển khai có hiệu quả công tác giao đất, giao rừng; duy trì tỷ lệ che phủ rừng đạt trên 56%.

- Thực hiện kiểm kê tình hình phát thải khí nhà kính trên địa bàn tỉnh làm cơ sở xây dựng phương án giảm thiểu đảm bảo chỉ tiêu đề ra.

(Chi tiết có theo Phụ biểu biểu số 01 kèm theo)

III. Giải pháp thực hiện

1. **Tổ chức tập huấn cho cán bộ, lãnh đạo** làm công tác quản lý nhà nước về đất đai, khoáng sản, tài nguyên nước, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu từ cấp tỉnh đến cấp xã, doanh nghiệp khai thác khoáng sản, sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và nhân dân trên địa bàn tỉnh cũng như thường xuyên tuyên truyền pháp luật các văn bản quản lý tài nguyên và môi trường trên các phương tiện thông tin đại chúng (*các cơ quan báo chí, đài, hệ thống phát thanh truyền hình, ...*) đến đông đảo bà con nhân dân.

2. **Rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy quản lý nhà nước** về tài nguyên và môi trường theo từng lĩnh vực nhằm từng bước nâng cao về chất lượng nguồn nhân lực cũng như đầu tư trang thiết bị phục vụ công tác quản lý trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

3. **Tăng cường kiểm tra công tác quản lý đất đai ở các cấp**, đặc biệt là đối với cơ sở; tổ chức thanh tra công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn. Chú trọng công tác đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quản lý đất đai và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai đồng bộ, quản lý chặt chẽ việc sử dụng đất có nguồn gốc từ các nông lâm trường quốc doanh..., ưu tiên bố trí tối thiểu 10% kinh phí của nguồn thu từ đất để thực hiện công tác quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh.

4. **Tăng cường thực hiện công tác kiểm tra, giám sát**; xử lý trách nhiệm đối với người đứng đầu các cấp, các ngành liên quan trong công tác quản lý nhà nước để xảy ra vi phạm mà không được xử lý kịp thời.

5. **Tăng cường sự phối hợp và nâng cao trách nhiệm của các cấp, các ngành** trong công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; rà soát, ban hành quy chế phối hợp giữa các sở, ban, ngành và địa phương trên nguyên tắc xác định rõ trách nhiệm cơ quan đầu mối bảo đảm sự phối hợp đồng bộ, hiệu quả trong công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

6. **Công khai minh bạch các thủ tục hành chính** trong quá trình giải quyết các thủ tục về đất đai, khoáng sản, môi trường... nghiên cứu giảm các thủ tục về đất đai tạo điều kiện cho các doanh nghiệp người dân trong quá trình tiếp cận dễ dàng trong quá trình thực hiện.

7. **Tăng cường công tác kiểm tra** để giám sát về nguồn gốc, sản lượng khoáng sản sau khai thác nhằm tránh thất thu cho ngân sách.

8. **Tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước** ở các cấp, tổ chức thanh tra, kiểm tra toàn diện nhiệm vụ quản lý nhà nước về môi trường, đa dạng sinh học tại cấp huyện theo thẩm quyền; nâng cao chất lượng công tác thẩm định hồ sơ pháp lý về bảo vệ môi trường (*đánh giá môi trường chiến lược; đánh giá tác động môi trường; kế hoạch bảo vệ môi trường*) và các chỉ tiêu về đa dạng sinh học; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các đơn vị trong việc chấp hành các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường theo báo cáo đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

9. Tiếp tục đầu tư trang thiết bị kỹ thuật phục vụ hoạt động quan trắc, các trạm giám sát, cảnh báo sớm các thiên tai theo hướng tự động hiện đại và đồng bộ trên nền tảng ứng dụng giải pháp công nghệ thông tin, internet giám sát chất lượng môi trường.

10. Tập trung xử lý môi trường khu công nghiệp; đẩy mạnh phong trào vệ sinh môi trường nông thôn; xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường, phát triển dịch vụ bảo vệ môi trường và tái chế chất thải.

11. Thường xuyên kiểm soát chặt chẽ môi trường trên địa bàn tỉnh bằng việc ứng dụng công nghệ tiên tiến trong việc giám sát, quan trắc tự động trong giám sát nguồn thải, giám sát chất lượng môi trường cần tiếp tục được đẩy mạnh nhằm phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi, vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường như:

- Tiếp tục thực hiện bảo vệ môi trường nước mặt, đặc biệt đối với các lưu vực sông Hồng, sông Chảy. Đầu tư vận hành, duy trì tốt hoạt động của các hệ thống thu gom xử lý nước thải tại thành phố Lào Cai, các khu công nghiệp. Khởi công nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt tập trung khu vực phường Lào Cai (*công suất 1.500 m³/ngày đêm*). Duy trì vận hành 03 trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung tại thị xã Sa Pa và thành phố Lào Cai; 03 trạm xử lý nước thải công nghiệp tập trung tại KCN Tăng Loỏng và KCN Đông Phố Mới. Duy trì năng lực quan trắc môi trường nước xuyên biên giới, hoạt động hệ thống quan trắc tự động liên tục khí thải, nước thải. Tiếp tục đôn đốc các doanh nghiệp đầu tư, lắp dựng hệ thống quan trắc khí thải, nước thải tự động.

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn và Đề án giảm thiểu ô nhiễm môi trường do chất thải nhựa trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường và mở rộng các hệ thống quan trắc tự động, liên tục môi trường nền tại các khu công nghiệp, đô thị trọng điểm và lưu vực sông chính

- Tích hợp cơ sở dữ liệu giám sát tự động với cơ sở dữ liệu giám sát đô thị thông minh của tỉnh.

- Tiếp tục đầu tư các trang thiết bị phục vụ cho công tác quan trắc, cảnh báo ô nhiễm môi trường.

IV. Nguồn vốn thực hiện

1. Tổng nhu cầu vốn thực hiện Đề án

Nhu cầu vốn thực hiện đề án trong năm 2022 dự kiến: **193.950 triệu đồng**. Trong đó:

- Vốn Ngân sách Trung ương: 45.500 triệu đồng.
- Vốn Ngân sách địa phương: 113.450 triệu đồng.
- Vốn ODA: 21.000 triệu đồng.
- Vốn ngoài ngân sách: 14.500 triệu đồng.

(Chi tiết phân bổ nguồn vốn và nội dung các dự án thành phần có Phụ biểu số 02, 03 kèm theo)

2. Tổ chức thực hiện

- Sở Tài nguyên và Môi trường căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ của từng dự án thành phần đề xuất cụ thể phương thức tổ chức thực hiện, gửi các sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư thẩm định trước khi trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Các sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư căn cứ nguồn vốn và đề xuất của Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định nội dung dự toán, hình thức tổ chức triển khai thực hiện theo quy định.

V. Phân công nhiệm vụ

1. Sở Tài nguyên và Môi trường: Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan triển khai thực hiện Đề án. Căn cứ Kế hoạch được UBND tỉnh phê duyệt, hàng năm chủ trì tổ chức xây dựng kế hoạch thực hiện và thường xuyên đôn đốc, báo cáo kết quả triển khai Đề án.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính: Tham mưu UBND tỉnh bố trí các nguồn vốn đảm bảo thực hiện Đề án có hiệu quả, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách; nghiên cứu, đề xuất cơ chế chính sách khuyến khích đầu tư trong việc áp dụng công nghệ tiên tiến, đảm bảo môi trường trong sản xuất, kinh doanh; đầu tư vào lĩnh vực xử lý, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Quản lý rủi ro thiên tai, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên nước; trồng rừng, phủ xanh đất trống, đồi núi trọc, chống sa mạc hóa; chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, điều chỉnh mùa vụ, kỹ thuật sản xuất nông nghiệp, phòng chống dịch bệnh cây trồng và vật nuôi phù hợp với điều kiện của biến đổi khí hậu.

4. Sở Công Thương: Chủ trì tổ chức quản lý và thực hiện quy hoạch khoáng sản; phối hợp trong công tác quản lý môi trường và hoá chất. Tổ chức thực hiện các chương trình, dự án về tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm nguyên - nhiên liệu, giảm phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực công nghiệp góp phần nâng cao năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu.

5. Sở Giao thông Vận tải - Xây dựng: Chủ trì phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thị xã, thành phố trong việc lập, thẩm định, trình phê duyệt các quy hoạch xây dựng.

6. UBND các huyện, thị xã, thành phố:

UBND huyện, thị xã, thành phố nâng cao trách nhiệm trong công tác quản lý, bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác, quản lý đất đai, tài nguyên nước, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện các nội dung liên quan trong việc triển khai thực hiện kế hoạch.

7. Đề nghị Đảng, Đoàn, HĐND tỉnh: Chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch giám sát việc thực hiện Đề án này.

VI. Chế độ báo cáo

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương thực hiện báo cáo kết quả triển khai thực hiện kế hoạch theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án Tăng cường công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Lào Cai năm 2022. Trong quá trình triển khai thực hiện cơ quan, đơn vị có khó khăn, vướng mắc hoặc chưa phù hợp, đề nghị kịp thời phản ánh về UBND tỉnh, thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường để kịp thời tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các Đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành liên quan;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Lào Cai, Đài PTTH tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu: VT, TH1,3, KT1, NLN1, TNMT1,2

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Trọng Hải

PHỤ BIỂU SỐ 01

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHỈ TIÊU ĐỀ ÁN TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÀO CAI NĂM 2022



(Kèm theo Kế hoạch số 74 /KH-UBND ngày 24 tháng 02 năm 2022 của UBND tỉnh Lào Cai)

TT	Chi tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu NQĐH XVI	Mục tiêu Đề án 2021-2025	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch thực hiện mục tiêu đề án năm 2022
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I	Về tài nguyên đất					
1	Các chi tiêu sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt	%		100%	90%	90%
2	Các loại đất sản xuất nông nghiệp, đất ở và đất phi nông nghiệp khác được đo đạc lập bản đồ địa chính diện tích cần đo vẽ	%		95%	95%	95%
3	Toàn bộ hồ sơ đất đai, giá đất, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tại các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh được quản lý và xây dựng xong cơ sở dữ liệu đất đai hoàn chỉnh	%		90%	80%	100%
4	Diện tích đất có nguồn gốc từ nông, lâm trường được giao cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân quản lý, khai thác có hiệu quả gắn với giao rừng	%		100%	0%	15%
5	Các Ban quản lý rừng phòng hộ, vườn Quốc gia Hoàng Liên, các Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên hoàn thành việc giao đất, giao rừng để quản lý	%		100%	0%	15%

2

TT	Chi tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu NQDH XVI	Mục tiêu Đề án 2021-2025	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch thực hiện mục tiêu đề án năm 2022
6	Các dự án có liên quan đến khoáng sản, thủy điện, nông nghiệp được giao đất đảm bảo đúng quy định.	%		100%	50%	70%
7	Tò chức thực hiện và quản lý các quỹ đất công trên địa bàn tỉnh theo quy định	%		100%	80%	80%
II	Về tài nguyên khoáng sản					
9	Thu ngân sách từ khai thác, chế biến, chế biến sâu sử dụng nguyên liệu là khoáng sản, trong đó: + Thu ngân sách từ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường sẽ đáp ứng đủ cho nhu cầu xây dựng trong tỉnh và cung cấp bán , tiêu thụ cho thị trường các tỉnh trong khu vực + Thu ngân sách từ khoáng sản như : quặng sắt , đồng, apatit, cao lanh	Tỷ đồng Tỷ đồng/năm		≥11500	1500	≥1.600/năm
10	Lắp đặt các trạm cân, camera quản lý giám sát sản lượng khai thác khoáng sản	%		80%	5%	70%
II	Về tài nguyên nước					
11	Hệ thống trạm quan trắc nước mặt, nước dưới đất được đầu tư xây dựng theo quy hoạch đã được phê duyệt tại Quyết định 169/QĐ-UBND	%		100%	50%	60%
12	Triển khai thực hiện cấm mốc bảo vệ hành lang nguồn nước các nguồn nước phải cấm mốc bảo vệ hành lang nguồn nước	%		50%	0%	30%



TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu NQĐH XVI	Mục tiêu Đề án 2021-2025	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch thực hiện mục tiêu đề án năm 2022
13	Thu ngân sách từ tài nguyên nước	Tỷ đồng/năm		≥2500	500	≥600
III	Về bảo vệ môi trường, quản lý đa dạng sinh học					
14	Các khu đô thị đạt khu đô thị xanh	%		≥90%		90%
15	Tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia	%	95	95%	100%	95%
16	Các khu, cụm công nghiệp mới hình thành được đầu tư đồng bộ hệ thống xử lý chất thải tập trung trước khi đi vào vận hành	%		100%	100%	100%
17	Các dự án đầu tư mới trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp phải áp dụng công nghệ xử lý chất thải đạt Quy chuẩn môi trường hoặc ứng dụng công nghệ sạch, thân thiện với môi trường	%		100%	100%	100%
18	Dự án khai thác khoáng sản phải thực hiện việc ký quỹ và phục hồi môi trường theo quy định	%		100%	100%	100%
19	Tỷ lệ lượng chất thải rắn sinh hoạt tại Khu dân cư nông thôn tập trung được thu gom	%	80	80%	75%	76%

82

PHỤ BIỂU SỐ 02

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN ĐỀ ÁN TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ PÀN NGUYÊN, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÀO CẢI NĂM 2022



Kiểm theo Kế hoạch số 74 /KH-UBND ngày 24 tháng 02 năm 2022 của UBND tỉnh Lào Cai

Đơn vị tính: Tr.đồng

STT	Nội dung đầu tư của đề án	Kinh phí thực hiện Đề án giai đoạn 2021-2025 đã duyệt				Thực hiện năm 2021				Kế hoạch thực hiện Năm 2022				Ghi chú
		Kinh phí đã được phê duyệt	Kinh phí sau rà soát	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:				
				Vốn NSNN	Vốn ngoài NSNN		Vốn NSNN	Vốn ngoài NSNN		Vốn NSNN	Vốn ngoài NSNN			
	Tổng cộng	965.012	956.791	883.291	73.500	17.885	17.885	0	193.950	179.450	14.500			
1	Về lĩnh vực đất đai	419.378	502.507	502.507	0	17.685	17.685	0	62.750	62.750	0			
1	Dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai (Dự án VII.G)	77.044	69.054	69.054	0	16.220	16.220	0	26.250	26.250	0			
2	Đề án " Tăng cường quản lý đối với đất đai có nguồn gốc từ nông trường làm trường quốc doanh trên địa bàn tỉnh Lào Cai vào giai đoạn 2021-2025	214.134	328.488	328.488	0	0	0	0	17.500	17.500	0			
3	Lập Kế hoạch sử dụng đất 5 năm giai đoạn 2021-2025 cấp tỉnh	3.500	1.365	1.365	0	1.365	1.365	0	0	0	0			
4	Điều tra, xây dựng bảng giá đất 5 năm 2025-2029	4.500	4.500	4.500	0	0	0	0	0	0	0			
5	Dự án Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất, lập bản đồ chuyên đề đất đai tỉnh Lào Cai năm 2024	28.000	28.000	28.000	0	0	0	0	0	0	0			
6	Xây dựng CSDI kho diện tích của 8 huyện, tỉnh Lào Cai Sa Pa, Bảo Thắng, Bắc Hà, Mường Khương, Si Ma Cai, Bảo Yên, Văn Bàn, Bát Xát	55.000	55.000	55.000	0	0	0	0	15.000	15.000	0			
7	Nâng cấp hệ thống phân mảnh cấp phát tư liệu trực địa	1.000	1.000	1.000	0	0	0	0	1.000	1.000	0			
8	Phương án phân bổ và phân vùng đất đai theo Khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện, vùng liên huyện tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050	1.200	100	100	0	100	100	0	0	0	0			

2





STT	Nội dung đầu tư của đề án	Kinh phí thực hiện Đề án giai đoạn 2021-2025 đã duyệt				Thực hiện năm 2021				Kế hoạch thực hiện Năm 2022				Ghi chú
		Kinh phí đã được phê duyệt	Kinh phí sau rà soát	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:				
				Vốn NSNN	Vốn ngoài NSNN		Vốn NSNN	Vốn ngoài NSNN		Vốn NSNN	Vốn ngoài NSNN			
9	Đầu tư sửa chữa máy móc các Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai các huyện thành phố	20.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
10	Xây dựng hệ thống quản lý, kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lào Cai	15.000	15.000	15.000	0	0	0	0	0	0	0	0		
II	Về lĩnh vực quản lý khoáng sản	7.000	3.100	3.100	0	0	0	0	0	0	0	0		
1	Rà soát, điều chỉnh, bổ sung khu vực cấm, tạm cấm hoạt động khoáng sản cho phù hợp với tình hình thực tế và quy định của pháp luật	3.000	3.000	3.000	0	0	0	0	0	0	0	0		
2	Điều tra, khảo sát xác định giá trị hệ số quy đổi một số loại khoáng sản từ sản sang met khối và ngược lại để xây dựng quy định làm căn cứ thu thuế, phí theo quy định	3.500	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
3	Điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản và phương án thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng tài nguyên tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	500	100	100	0	0	0	0	0	0	0	0		
III	Về lĩnh vực bảo vệ môi trường	437.684	372.684	306.684	66.000	0	0	0	0	0	0	0		
1	Đư án Đầu tư mua sắm 02 hệ thống quan trắc khí thải từ động môi trường tại khu công nghiệp Tầng Loong huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai và 02 xe quan trắc lưu động chất lượng môi trường không khí tại thành phố Lào Cai và Thị xã Sa Pa. và nâng cấp thiết bị phòng thí nghiệm quan trắc môi trường	160.000	100.000	100.000	0	0	0	0	0	0	0	0		
2	Điều tra, đánh giá, phân loại và xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về nguồn thải trên địa bàn tỉnh Lào Cai	15.000	10.000	10.000	0	0	0	0	0	0	0	0		
3	Đề án "Giám thiêu ô nhiễm môi trường do chất thải nhựa trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2020-2025"	19.184	19.184	17.184	2.000	0	0	0	0	0	0	0		



STT	Nội dung đầu tư của đề án	Kinh phí thực hiện Đề án giai đoạn 2021-2025 đã duyệt				Thực hiện năm 2021				Kế hoạch thực hiện Năm 2022				Ghi chú
		Kinh phí đã được phê duyệt	Kinh phí sau rà soát	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:				
				Vốn NSNN	Vốn ngoài NSNN		Vốn NSNN	Vốn ngoài NSNN		Vốn NSNN	Vốn ngoài NSNN			
4	Đầu tư xây dựng lớp đại, vượt biên các hệ thống thiết bị xử lý khí thải chất sinh xử các cơ sở công nghiệp, đảm bảo không khí ô nhiễm môi trường không khí	50.000	50.000	40.000	10.000	0	0	10.000	0	10.000	0	0		
5	Điều tra, kiểm kê đa dạng sinh học, xây dựng văn bản cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh, tích hợp vào cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học quốc gia	4.000	4.000	4.000	0	0	0	2.000	2.000	0	0			
6	Khảo sát, điều tra thống kê xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý loài ngoài lai xâm hại	3.000	3.000	3.000	0	0	0	1.500	1.500	0	0			
7	Đầu tư xây dựng nhà máy xử lý chất thải công nghiệp và chất thải nguy hại tỉnh Lào Cai	54.000	54.000	0	54.000	0	0	0	0	0	0			
8	Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường tổng thể lưu vực các thủy điện trên sông Chảy và suối Mường Hum	2.500	2.500	2.500	0	0	0	1.700	1.700	0	0			
9	Đầu tư nâng cấp bãi chôn lấp chất thải sinh hoạt đô thị, hợp vệ sinh tại huyện Văn Bàn, Mường Khương, Sa Pa	100.000	100.000	100.000	0	0	0	0	0	0	0			
10	Đầu tư xây dựng nhà máy xử lý rác thải 30 tấn/rac/ngày đêm, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai	18.000	18.000	18.000	0	0	0	0	0	0	0			
11	Đầu tư, cải tạo, nâng cấp các bãi rác thải sinh hoạt được xây dựng theo chương trình nông thôn mới đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	12.000	12.000	12.000	0	0	0	6.000	6.000	0	0			
IV	Về lĩnh vực nước, ứng phó với biến đổi khí hậu	100.950	78.500	71.000	7.500	100	100	0	44.000	41.500	2.500			
1	Xây dựng hệ thống CSDL và đầu tư trang thiết bị giám sát, quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh	11.500	9.000	9.000				4.500	4.500					
2	Xây dựng trạm quan trắc tài nguyên nước và trang thiết bị quan trắc trên địa bàn tỉnh Lào Cai	15.000	15.000	15.000	0	0	0	15.000	15.000	0	0			

2





STT	Nội dung đầu tư của đề án	Kinh phí thực hiện Đề án giai đoạn 2021-2025 đã duyệt				Thực hiện năm 2021				Kế hoạch thực hiện Năm 2022				Ghi chú
		Kinh phí đã được phê duyệt	Kinh phí sau rà soát	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:				
				Vốn NSNN	Vốn ngoài NSNN		Vốn NSNN	Vốn ngoài NSNN		Vốn NSNN	Vốn ngoài NSNN			
3	Điều tra đánh giá tác động của BĐKH đến việc sử dụng tài nguyên nước; Xây dựng cơ sở dữ liệu về tài nguyên nước, biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh phục vụ công tác quản lý, phát triển KTXH	24.500	24.500	24.500	0	0	0	0	14.500	14.500	0	0		
4	Đánh giá mức độ rủi ro và tính dễ bị tổn thương do BĐKH xác định phân vùng rủi ro thiên tai, lập hạn độ cảnh báo thiên tai nhu cầu thích ứng và nhu cầu giải quyết các vấn đề liên quan tới tôn thất và thiết hai	7.500	7.500	0	7.500	0	0	0	2.500	0	2.500	0		
5	Điều tra nguồn tài, đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước sông hồ trên địa bàn tỉnh Lào Cai	8.900	8.900	8.900	0	0	0	0	5.000	5.000	0	0		
6	Đư an rà soát kiểm kê hiện trạng khai thác sử dụng tài nguyên nước tỉnh Lào Cai theo định kỳ	11.000	11.000	11.000	0	0	0	0	0	0	0	0		
7	Đầu tư thiết bị hạ tầng kỹ thuật phục vụ xử lý dữ liệu quan trắc môi trường	22.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
8	Phương án quy hoạch tài nguyên nước tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050	550	100	100	0	0	0	0	0	0	0	0		
9	Xây dựng quy định mức nước tương ứng các cấp báo động lũ trên các sông, suối chính tỉnh Lào Cai	2.500	2.500	2.500	0	0	0	0	2.500	2.500	0	0		

Bộ sung theo Văn bản 2922/T.BND-NL.N ngày 01/17/2021 và văn bản số 1795/STC-TCHCSN ngày 11/8/2021 của Sở TC

2

PHỤ BIỂU SỐ 03
TỔNG HỢP NHỮNG AN GẮN LẮN NHON THỰC HIỆN ĐỀ ÁN TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, TÌNH PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÀO CAI NĂM 2022
(Phần bổ nguồn vốn)



(Kèm theo Kế hoạch số **F4/KH-UBND** ngày **24** tháng **02** năm **2022** của UBND tỉnh Lào Cai)

Phân theo nguồn vốn

DVT: Tr đồng

STT	Danh mục dự án	Mục tiêu đạt được	Thời gian TH HT	Kinh phí theo Đề án đã được phê duyệt	Kinh phí Đề án sau rà soát	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch vốn thực hiện Năm 2022	Nguồn vốn ngân sách										Chủ đầu tư	Chi chủ					
								Tổng số	Dầu tư NSDP	Vốn sự nghiệp NSBP	Vốn CT MTQG	NSTW hỗ trợ có MT	Vốn vay ODA	Dầu tư qua Bộ, ngành TW	Vốn TPCP	Vốn tự có của DN	Vốn vay (tín dụng)			Vốn dân đóng góp	Vốn khác			
1	Về lĩnh vực đất đai			965,012	964,791	17,685	192,950	179,450	21,000	0	42,450	0	21,000	0	0	0	0	0	0	0	0			
	Tổng cộng			419,378	502,507	17,685	62,750	62,750	0	41,750	0	0	21,000	0	0	0	0	0	0	0	0			
1	Đề án "Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai" (Dự án VILLO)	Xây dựng cơ sở DL quản lý đất đai tỉnh Lào Cai (CSDL địa chính, giá đất, quản lý quỹ, hoạch) hoàn chỉnh phục vụ công tác quản lý, khai thác đất đai đúng chính sách	2017-2021	77.044	69.054	16.220	26.250	26.250	0	5.250	0	0	21.000	0	0	0	0	0	0	0	0			
2	Đề án "Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai" (Dự án VILLO)	Xây dựng chính sách, định hướng, quy hoạch, quản lý sử dụng đất đai qua nguồn tài nguyên đất, là căn cứ để thực hiện giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận	2021-2025	214.114	178.488	0	17.500	17.500	0	17.500	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			
3	Lập kế hoạch sử dụng đất 5 năm cơ bản qua nguồn tài nguyên đất, là căn cứ để thực hiện giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận	Hoạch định chính sách, định hướng, quy hoạch, quản lý sử dụng đất đai qua nguồn tài nguyên đất, là căn cứ để thực hiện giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận	2.021	3.500	1.365	1.365	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			
4	Điều tra, cập nhật bản đồ địa chính năm 2025-2029	Trình bản đồ địa chính, trình bản đồ địa chính, trình bản đồ địa chính	2.025	4.500	4.500	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			
5	Đưa an kiện kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất, lập bản đồ chuyên đề đất đai tỉnh Lào Cai năm 2024	Đưa an kiện kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất, lập bản đồ chuyên đề đất đai tỉnh Lào Cai năm 2024	2.024	28.000	28.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			
6	Xây dựng CSDL, kho dữ liệu địa chính và hệ số SLP, Pa (hạng Bậc Thượng, Bậc Yên, Bậc Xấu)	Quan lý, khai thác hồ sơ đất đai thông dụng số	2021-2024	55.000	55.000	0	15.000	15.000	0	15.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			
7	Nâng cấp hệ thống phần mềm cấp phát tư liệu đất đai	Quan lý, khai thác hồ sơ đất đai thông dụng số	2.021	1.000	1.000	0	1.000	1.000	0	1.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			

KH chuyển địa số giao đất 2021-2025

KH chuyển địa số giao đất 2021-2025

KH chuyển địa số giao đất 2021-2025

KH chuyển địa số giao đất 2021-2025

KH chuyển địa số giao đất 2021-2025

KH chuyển địa số giao đất 2021-2025

KH chuyển địa số giao đất 2021-2025

KH chuyển địa số giao đất 2021-2025

KH chuyển địa số giao đất 2021-2025





Phân theo nguồn vốn

STT	Danh mục dự án	Thời gian thực hiện	Kinh phí theo Đề án đã được phê duyệt	Kinh phí Đề án sau rà soát	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch vốn thực hiện Năm 2022	Nguồn vốn ngân sách							Vốn đầu tư của các doanh nghiệp		Vốn khác	Chú đầu tư	Ghi chú	
							Tổng số	Đầu tư NSDP	Vốn sự nghiệp NSDP	Vốn CT MTQG	NSTW hỗ trợ có MT	Vốn vay ODA	Đầu tư qua Bộ, ngành TW	Vốn TPCP	Vốn tự có của DN				Vốn vay (tín dụng)
1	<p>Dự án Đầu tư mua sắm 02 Bộ thông quan trực: Khu nhà tư động mô hình trồng tại Khu công nghiệp 1 hàng Lương huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai và 02 xe quan trắc liên động chất lượng môi trường không khí tại thành phố Lào Cai và thành phố Lào Cai và nâng cấp thiết bị phòng thí nghiệm quan trắc môi trường</p>		100,000	100,000	0	55,000	55,000	10,000	45,000										
2	<p>Phục vụ đánh giá phân loại và san dưỡng cơ sở dữ liệu quốc gia về nguồn tài nguyên địa bàn tỉnh Lào Cai</p>	2022-2023	15,000	10,000	0	5,000	5,000	5,000										Sở TNMT	
3	<p>Đề án "Giảm thiểu ô nhiễm môi trường do chất thải nhựa trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2020-2025"</p>	2020-2025	19,184	19,184	0	3,000	1,000	1,000										Sở TNMT	Chi thường xuyên cho công tác nghiên cứu và báo cáo môi trường
4	<p>Đầu tư xây dựng, lắp đặt, vận hành các hệ thống thiết bị xử lý khí thải phát sinh từ các cơ sở công nghiệp, dân cư không gắn ô nhiễm môi trường không khí</p>	2021-2023	50,000	50,000	0	10,000	0											Cơ doanh nghiệp	
5	<p>Đầu tư, kiểm kê và đăng sinh học, và đăng sinh học trên địa bàn tỉnh, tích hợp vào cơ sở dữ liệu địa đăng sinh học quốc gia</p>	2022-2023	4,000	4,000	0	2,000	2,000	2,000										Sở TNMT	KH thanh tra số giai đoạn 2021-2025

